

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 36

139
CÓN
:H NH
IG K
/À Đ
A
ĐỒI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo như sau:

Ông Đặng Hoàng Giang	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2021
Ông Phan Như Long	Người đại diện HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/04/2021, Miễn nhiệm ngày 28/06/2021
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên	Miễn nhiệm chức Chủ tịch từ ngày 01/04/2021
Ông Đặng Quang Duy	Thành viên	
Ông Vladislav Savkins	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2021
Ông Võ Văn Mai	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Nguyễn	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên	

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thị Xuân	Trưởng ban
Bà Lương Thị Hiền	Thành viên
Ông Phan Như Long	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyễn Cao Đăng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hải Đoàn - Tổng Giám đốc Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập ngày 29/11/2021, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/09/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 30/09/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/09/2020 và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính tại ngày 30/09/2020 và 31/03/2021.

Không phủ nhận kết luận soát xét nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý tới người đọc Báo cáo tài chính này rằng, như trình bày tại thuyết minh VII.3, số liệu so sánh tại ngày 01/04/2021 trên Bảng cân đối kế toán đã được Công ty điều chỉnh hồi tố do phát hiện sai sót kế toán cần được điều chỉnh.



Vũ Thế Hùng

Tổng Giám đốc

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1604-2018-047-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/09/2021	01/04/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		432.182.882.609	479.066.532.199
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.689.033.376	163.242.909.723
1. Tiền	111		7.689.033.376	14.574.062.448
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	148.668.847.275
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		71.823.811.750	10.125.410.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	32.976.943.750	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.278.542.000)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	40.125.410.000	10.125.410.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.702.195.165	198.347.431.047
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	49.069.111.468	136.910.872.073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.12b	41.464.947.868	22.277.879.751
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		34.079.244.428	34.079.244.428
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	43.133.258.221	10.562.061.681
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.044.366.820)	(5.482.626.886)
IV- Hàng tồn kho	140	V.6	77.521.469.433	34.243.995.518
1. Hàng tồn kho	141		99.939.505.984	56.662.032.069
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.418.036.551)	(22.418.036.551)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		77.446.372.885	73.106.785.911
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.863.677.758	306.303.288
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	582.695.127	800.482.623
3. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.11	72.000.000.000	72.000.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		81.020.100.645	28.200.185.775
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		214.250.000	56.250.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	214.250.000	56.250.000
II- Tài sản cố định	220		49.997.799	273.947.420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	49.997.799	273.947.420
- Nguyên giá	222		10.744.728.292	18.688.262.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.694.730.493)	(18.414.314.960)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		189.800.000	2.970.972.284
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(189.800.000)	(2.970.972.284)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/09/2021	01/04/2021
			VND	VND
III- Bất động sản đầu tư	230	V.9	15.680.620.000	15.680.620.000
1. Nguyên giá	231		15.680.620.000	15.680.620.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2c	64.662.804.717	11.680.325.931
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.020.510.881	1.115.484.001
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.862.464.944	16.862.464.944
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.220.171.108)	(6.297.623.014)
VI- Tài sản dài hạn khác	260		412.428.129	509.042.424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	412.428.129	509.042.424
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		513.202.983.254	507.266.717.974

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN/HN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/09/2021	01/04/2021
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		209.990.576.659	198.540.825.718
I- Nợ ngắn hạn	310		209.490.576.659	198.040.825.718
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	50.467.810.195	73.093.819.165
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.3b	48.363.342.598	20.566.249.386
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	1.169.715.519	4.009.002.973
4. Phải trả người lao động	314		2.723.453.342	9.071.244.823
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	881.075.000	882.524.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1.043.192.500	789.682.500
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	93.641.987.505	78.428.302.871
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	11.200.000.000	11.200.000.000
II- Nợ dài hạn	330		500.000.000	500.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	500.000.000	500.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		303.212.406.595	308.725.892.256
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.18	303.212.406.595	308.725.892.256
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		116.974.517.100	116.974.517.100
3. Cổ phiếu quỹ	415		(38.762.556.372)	(38.762.556.372)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(589.854.133)	4.923.631.528
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.923.631.528	222.452.166
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(5.513.485.661)	4.701.179.362
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		513.202.983.254	507.266.717.974

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021

MẪU SỐ B 02-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/04/2021	Từ 01/04/2020
			đến 30/09/2021	đến 30/09/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	152.806.323.397	217.523.088.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	24.212.436
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		152.806.323.397	217.498.876.053
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	136.108.523.543	197.424.270.777
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.697.799.854	20.074.605.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.148.706.787	2.939.855.622
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.295.742.517	167.643.183
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	23.307.784.594	22.702.993.973
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	6.921.686.759	9.444.255.001
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(7.678.707.229)	(9.300.431.259)
12. Thu nhập khác	31	VI.5	2.200.842.111	54.466.768.741
13. Chi phí khác	32	VI.6	35.620.543	29.411.247
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.165.221.568	54.437.357.494
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(5.513.485.661)	45.136.926.235
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	10.906.284.811
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(5.513.485.661)	34.230.641.424
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(5.513.485.661)	34.230.641.424
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(267)	1.660

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021

MẪU SỐ B 02-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/04/2021	Từ 01/04/2020
			đến 30/09/2021	đến 30/09/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	152.806.323.397	217.523.088.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	24.212.436
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		152.806.323.397	217.498.876.053
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	136.108.523.543	197.424.270.777
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.697.799.854	20.074.605.276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.148.706.787	2.939.855.622
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.295.742.517	167.643.183
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	23.307.784.594	22.702.993.973
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	6.921.686.759	9.444.255.001
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(7.678.707.229)	(9.300.431.259)
12. Thu nhập khác	31	VI.5	2.200.842.111	54.466.768.741
13. Chi phí khác	32	VI.6	35.620.543	29.411.247
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.165.221.568	54.437.357.494
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(5.513.485.661)	45.136.926.235
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	10.906.284.811
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(5.513.485.661)	34.230.641.424
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(5.513.485.661)	34.230.641.424
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(267)	1.660

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021

MẪU SỐ B 03-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Từ 01/04/2021	Từ 01/04/2020
		đến 30/09/2021 VND	đến 30/09/2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(5.513.485.661)	45.136.926.235
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	60.392.653	724.649.501
- Các khoản dự phòng	03	762.830.028	628.021.839
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(59.994.167)	118.905.641
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.972.995.990)	(54.731.321.716)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.723.253.137)	(8.122.818.500)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	32.043.248.974	36.639.338.766
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(43.277.473.915)	(30.071.839.183)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.353.057.023)	47.849.092.589
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	96.614.295	277.944.919
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(32.976.943.750)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.125.649)	(12.996.167.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(56.200.990.205)	33.575.550.628
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(32.263.636)	(33.981.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	250.000.000	67.560.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.922.548.094)	(116.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	70.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(36.960.171.906)	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.461.476.594	2.589.630.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(64.203.507.042)	(45.814.351.440)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021

MẪU SỐ B 03-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/04/2021	Từ 01/04/2020
			đến 30/09/2021	đến 30/09/2020
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(149.379.100)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(149.379.100)</i>	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(120.553.876.347)	(12.238.800.812)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	163.242.909.723	144.090.969.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	926.668
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	42.689.033.376	131.853.095.095

Người lập biểu

Nguyễn Hải Yên

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, tên viết tắt là HIPT GROUP., JSC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 12/04/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 12/04/2021 là 225.590.300.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm chín mươi triệu, ba trăm nghìn đồng./.*) chia thành 22.559.030 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 24/06/2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2021 là 143 người (tại ngày 31/03/2021 là 155 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Chi nhánh	Địa chỉ		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (TP Hà Nội)	05 Nguyễn Gia Thiều, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM		
Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT (HIPT Invest) (1)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải phát và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC) (1)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội (2)	Hà Nội, Việt Nam	78%	78%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN) (1)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%

(1) Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 28-12/NQ/HĐQT/HIPT ngày 15/09/2021 về việc chuyển nhượng các Công ty con. Tại ngày 30/09/2021 Công ty chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng các công ty con này.

(2) Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin về Công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội (3)	Hà Nội, Việt Nam	25%	71,43%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	35%	98,04%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	25%	25%
Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Trung Ương 6	Hà Nội, Việt Nam	36%	36%

(3) Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

Tên công ty liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Thời báo Doanh nhân (4)	Hà Nội, Việt Nam	50%	64,27%

(4) Công ty đang trong giai đoạn tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập tuân theo quy định của hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam gồm có:

- Chuẩn mực kế toán số 07: Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết;
- Chuẩn mực kế toán số 08: Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 10: Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- Chuẩn mực kế toán số 11: Hợp nhất kinh doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 21: Trình bày báo cáo tài chính;
- Chuẩn mực kế toán số 24: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Chuẩn mực kế toán số 25: Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

(Ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất Nhóm Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Danh sách báo cáo tài chính các công ty được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021 được lập dựa theo các báo cáo tài chính sau:

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT cho kỳ kế toán kết thúc từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC.
- Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software) cho kỳ kế toán kết thúc từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC.
- Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC) cho kỳ kế toán kết thúc từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021 do Công ty tự lập.
- Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN) cho kỳ kế toán kết thúc từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021 do Công ty tự lập.
- Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT (HIPT Invest) cho kỳ kế toán kết thúc từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021 do Công ty tự lập.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND), do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Nhóm Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc hàng tồn kho. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm sử dụng ước tính</u>
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá theo thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của Bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tồn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Góp vốn liên doanh

Công ty liên doanh: Là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của Công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi các khoản dự phòng tồn thất đầu tư (nếu có). Việc lập dự phòng tồn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn sử dụng trên một năm. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại cổ phiếu do công ty phát hành. Khi lập báo cáo tài chính, giá trị thực tế của cổ phiếu quỹ được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu

278-
TY
M H
EM
NH
TC
G.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thanh lý nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính sẽ được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

doanh khác. Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin tại một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết, Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2021	01/04/2021
	VND	VND
Tiền mặt	160.534.644	30.460.821
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.528.498.732	14.543.601.627
Các khoản tương đương tiền (*)	35.000.000.000	148.668.847.275
Cộng	42.689.033.376	163.242.909.723

(*) Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 01 tháng kể từ thời điểm gửi tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2021		01/04/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu	32.926.943.750	(1.278.542.000)	-	-
<i>HNG</i>	9.859.482.000	(834.482.000)	-	-
<i>POW</i>	6.123.725.000	(68.660.000)	-	-
<i>ELC</i>	6.141.461.750	-	-	-
<i>NDN</i>	4.848.800.000	(314.400.000)	-	-
<i>TDH</i>	950.500.000	-	-	-
<i>NT2</i>	2.327.000.000	(61.000.000)	-	-
<i>MIG</i>	2.001.275.000	-	-	-
<i>VNS</i>	510.000.000	-	-	-
<i>PJT</i>	164.700.000	-	-	-
Nộp tiền thực hiện quyền mua cổ phiếu	50.000.000	-	-	-
Cộng	32.976.943.750	(1.278.542.000)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2021		01/04/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	40.125.410.000	40.125.410.000	10.125.410.000	10.125.410.000

(*) Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng (quay vòng kỳ hạn) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (BIDV) có tổng giá trị tại ngày 30/09/2021 là 30.000.000.000 VND đang được sử dụng làm tài sản cầm cố cho hợp đồng tín dụng số 01/2019/495/HĐTDHM theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2020/495/HĐBĐ ngày 03/04/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô, theo đó cầm cố cho Ngân hàng tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của bên cầm cố đối với các hợp đồng tiền gửi này.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2021		01/04/2021	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng	800.000.000	1.115.484.001	800.000.000	1.115.484.001
Thời báo Doanh nhân	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty CP XNK Nông sản Trung Ương 6	52.905.026.880	52.905.026.880	-	-
Cộng	60.705.026.880	54.020.510.881	7.800.000.000	1.115.484.001

	30/09/2021		01/04/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác (*)				
Công ty CP Dịch vụ nền di động Việt Nam	7.764.044.944	(6.220.171.108)	7.764.044.944	(6.297.623.014)
Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng Không	9.098.420.000	-	9.098.420.000	-
Cộng	16.862.464.944	(6.220.171.108)	16.862.464.944	(6.297.623.014)

(*) Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá giao dịch trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Công nợ với khách hàng

	30/09/2021	01/04/2021
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Khách hàng là bên liên quan	-	740.774.085
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội (Công ty liên kết)	-	663.440.565
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng Không Việt Nam (Công ty liên kết)	-	77.333.520
- Khách hàng không phải là bên liên quan	49.069.111.468	136.170.097.988
Tổng công ty Hàng Không Việt Nam - CTCP	3.287.872.248	4.337.839.000
Bộ tư lệnh 86/BQP	3.910.000.000	3.910.000.000
Công ty CP công nghệ Bằng Hữu (AMIGO)	5.243.976.640	-
Công ty CP chuỗi thực phẩm TH	2.414.440.000	-
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	4.869.719.250	4.123.801.000
Công ty TNHH BV ĐKTN An sinh -Phúc Trường Minh	3.402.969.447	10.169.614.245
Công ty TNHH MTV TM Công nghệ Hùng Phương	2.001.468.800	2.001.468.800
Ngân hàng Liên Doanh Việt Nga - VRBank	88.691.550	4.648.674.050
Công ty CP Viễn thông di động Vietnamobile	342.562.500	8.044.246.000
Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)	-	17.810.410.000
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng - Ngân hàng nhà nước Việt Nam	-	4.141.585.013
Cục công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	4.497.038.333
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV)	-	49.576.200.000
Các khách hàng khác	23.507.411.033	22.909.221.547
Cộng	49.069.111.468	136.910.872.073
b) Khách hàng trả trước ngắn hạn		
- Khách hàng không phải là bên liên quan	48.363.342.598	20.566.249.386
Ngân hàng TMCP Kiên Long	269.244.000	1.375.686.540
Ngân hàng Chính sách Xã hội	2.058.000.000	2.058.000.000
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản	3.559.621.912	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-
Cục CNTT - Kho bạc Nhà Nước	2.300.000.000	-
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	4.154.525.000	2.908.167.500
Công ty Cổ phần Công nghệ Sota Việt Nam	21.566.160.000	-
Công ty Cổ phần may Duy Minh	1.005.220.328	1.005.220.328
Công ty CP Giải pháp thanh toán Việt Nam (VNPAY)	2.181.955.917	3.715.247.400
Trường Đại học Bách khoa	-	3.593.748.672
Các khách hàng khác	11.268.615.441	5.910.178.946
Cộng	48.363.342.598	20.566.249.386

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPTSố 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê,
quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021
đến ngày 30/09/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. Các khoản phải thu khác**

	30/09/2021	01/04/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	43.133.258.221	10.562.061.681
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	<i>35.002.200.000</i>	<i>2.200.000</i>
Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT - Đồng sáng lập	2.200.000	2.200.000
Ông Lê Hải Đoàn - Tổng Giám đốc	35.000.000.000	-
<i>Phải thu không phải là bên liên quan</i>	<i>8.131.058.221</i>	<i>10.559.861.681</i>
Tạm ứng	1.561.795.280	1.773.277.897
Phạm Việt Giang	4.045.633.000	4.045.633.000
Ký cược, ký quỹ	144.273.181	3.275.863.461
Cổ tức phải thu	457.340.000	-
Liên doanh HIPT-ZODIAC-ONENET	556.306.038	556.306.038
Phải thu khác	1.365.710.722	908.781.285
b) Dài hạn	214.250.000	56.250.000
Ký cược, ký quỹ	214.250.000	56.250.000
Cộng	43.347.508.221	10.618.311.681

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/09/2021		01/04/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	5.105.105.240	(5.044.366.820)	5.543.365.306	(5.482.626.886)
<i>Nợ phải thu khách hàng quá hạn</i>	<i>727.606.240</i>	<i>(666.867.820)</i>	<i>1.497.732.306</i>	<i>(1.436.993.886)</i>
Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội - Bên liên quan (Công ty liên kết)	-	-	663.440.566	(663.440.566)
Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ Hàng không Việt - Bên liên quan (Công ty liên kết)	-	-	77.333.520	(77.333.520)
Thanh tra TP Hồ Chí Minh VP UBND Quận Bình Thạnh	-	-	3.658.380	(3.658.380)
Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC	525.144.840	(525.144.840)	525.144.840	(525.144.840)
TT công nghệ Phần Mềm và GIS	202.461.400	(141.722.980)	202.461.400	(141.722.980)
<i>Các khoản phải thu khác quá hạn</i>	<i>4.377.499.000</i>	<i>(4.377.499.000)</i>	<i>4.045.633.000</i>	<i>(4.045.633.000)</i>
Công ty CP Tập đoàn Đại Cường	331.866.000	(331.866.000)	-	-
Phạm Việt Giang	4.045.633.000	(4.045.633.000)	4.045.633.000	(4.045.633.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Hàng tồn kho

	30/09/2021		01/04/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.975.026.873	(22.418.036.551)	41.790.329.036	(22.418.036.551)
Hàng hóa	26.964.479.111	-	14.871.703.033	-
Cộng	99.939.505.984	(22.418.036.551)	56.662.032.069	(22.418.036.551)

7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/04/2021	160.000.000	848.270.909	17.679.991.471	18.688.262.380
Tăng trong kỳ	-	-	32.263.636	32.263.636
Mua trong kỳ	-	-	32.263.636	32.263.636
Giảm trong kỳ	160.000.000	848.270.909	6.967.526.815	7.975.797.724
Thanh lý, nhượng bán	160.000.000	848.270.909	6.967.526.815	7.975.797.724
Số dư tại 30/09/2021	-	-	10.744.728.292	10.744.728.292
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/04/2021	160.000.000	599.433.375	17.654.881.585	18.414.314.960
Tăng trong kỳ	-	53.016.930	7.375.723	60.392.653
Khấu hao trong kỳ	-	53.016.930	7.375.723	60.392.653
Giảm trong kỳ	160.000.000	652.450.305	6.967.526.815	7.779.977.120
Thanh lý, nhượng bán	160.000.000	652.450.305	6.967.526.815	7.779.977.120
Số dư tại 30/09/2021	-	-	10.694.730.493	10.694.730.493
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/04/2021	-	248.837.534	25.109.886	273.947.420
Tại 30/09/2021	-	-	49.997.799	49.997.799

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2021 là 10.678.483.157 VND, tại ngày 01/04/2021 là: 17.610.994.332 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/04/2021	2.970.972.284	2.970.972.284
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	2.781.172.284	2.781.172.284
Thanh lý, nhượng bán	2.781.172.284	2.781.172.284
Số dư tại 30/09/2021	189.800.000	189.800.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/04/2021	2.970.972.284	2.970.972.284
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	2.781.172.284	2.781.172.284
Thanh lý, nhượng bán	2.781.172.284	2.781.172.284
Số dư tại 30/09/2021	189.800.000	189.800.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/04/2021	-	-
Tại 30/09/2021	-	-

9. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2021 VND	01/04/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	310.318.643	392.608.441
Phần mềm	37.183.519	54.511.804
Chi phí sửa chữa văn phòng	64.925.967	61.922.179
Cộng	412.428.129	509.042.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt.

Tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 30/09/2021, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty vẫn ghi nhận giá gốc khoản đầu tư vào mục “Tài sản ngắn hạn khác” với số tiền 72.000.000.000 VND và ghi nhận tương ứng số tiền đã nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác” được trình bày tại Thuyết minh V.16.

12. Công nợ với nhà cung cấp

	30/09/2021	01/04/2021
	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Nhà cung cấp không phải bên liên quan	50.467.810.195	73.093.819.165
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG	7.556.000.410	274.783.350
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật HDL	4.538.400.000	2.763.803.064
Công ty TNHH Zico Việt Nam	3.675.400.000	3.675.400.000
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Miền Nam	3.634.585.020	-
BTG Asia Co., Limited	2.856.989.275	4.205.902.780
Công ty TNHH Netlink Việt Nam	2.755.112.800	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Elite	2.705.048.440	2.643.269.719
Công ty Cổ phần Công nghệ TDV Việt Nam	2.502.300.800	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	1.940.092.000	1.940.092.000
Công ty TNHH Công nghệ Vetami	1.643.853.420	8.042.309.550
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển công nghệ Việt	560.098.003	5.107.843.663
Golden Hawk Information Technology Limited	353.059.469	18.219.661.646
Công ty Cổ phần phân phối Việt Nét	268.110.700	457.637.128
Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ Savis Việt Nam	-	473.490.000
Công ty TNHH Tổng Công ty công nghệ và giải pháp CMC	-	5.040.000.000
Các nhà cung cấp khác	15.478.759.858	20.249.626.265
Cộng	50.467.810.195	73.093.819.165
b) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Nhà cung cấp không phải bên liên quan	41.464.947.868	22.277.879.751
BTG Asia Co., Limited	23.610.761.026	-
Công ty TNHH Đầu tư Bắc Vương	6.224.669.000	9.886.239.000
Golden Hawk Information Technology Limited	4.546.340.331	-
Công ty TNHH Công nghệ Đông Ngân	-	3.414.062.000
Các nhà cung cấp khác	7.083.177.511	8.977.578.751
Cộng	41.464.947.868	22.277.879.751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	-	9.256.539.010	12.245.647.873	2.989.108.863
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.467.716.043	2.467.716.043	-
Thuế TNDN	808.000.000	-	10.125.649	818.125.649
Thuế TNCN	62.723.931	2.473.297.925	2.612.342.455	201.768.461
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.632.320	3.632.320	-
Thuế nhà thầu	298.991.588	1.503.865.560	1.204.873.972	-
Cộng	<u>1.169.715.519</u>	<u>15.705.050.858</u>	<u>18.544.338.312</u>	<u>4.009.002.973</u>
b) Phải thu				
Thuế GTGT	158.153.736	-	-	158.153.736
Thuế TNDN	424.541.391	-	-	424.541.391
Thuế TNCN	-	-	217.787.496	217.787.496
Cộng	<u>582.695.127</u>	<u>-</u>	<u>217.787.496</u>	<u>800.482.623</u>

14. Chi phí phải trả

	<u>30/09/2021</u>	<u>01/04/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí bảo hành theo HĐ số 16/2021/HĐKT/HIPT/itSS (HĐ 28/2017/BQL KTNN)	703.700.000	703.700.000
Trích trước giá vốn HĐH Oracle từ Tech Data theo HĐ 026720HN/HĐMB/KD - HĐ 2004/2020/AITS	-	178.824.000
Trích trước chi phí thuê văn phòng chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	177.375.000	-
Cộng	<u>881.075.000</u>	<u>882.524.000</u>

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>30/09/2021</u>	<u>01/04/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu từ bảo hành, bảo trì	1.043.192.500	789.682.500
Cộng	<u>1.043.192.500</u>	<u>789.682.500</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. Các khoản phải trả khác

	30/09/2021	01/04/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Phải trả khác là bên liên quan</i>	16.022.306.880	-
Công ty CP nông sản Trung Ương 6 (Phải trả tiền mua cổ phần)	16.022.306.880	-
<i>Phải trả khác không phải là bên liên quan</i>	77.619.680.625	78.428.302.871
Tạm ứng mua cổ phần Ngân hàng TMCP Bảo Việt	72.000.000.000	72.000.000.000
Kinh phí công đoàn	410.552.015	456.174.698
Bảo hiểm xã hội	43.813.400	-
Bảo hiểm y tế	584.595	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.970.400	-
Khoản phải nộp liên quan đến việc hủy bỏ đề án 112 - Ban điều hành Đề án 112 Chính Phủ	2.656.280.900	2.656.280.900
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	304.904.075	454.283.175
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.200.575.240	2.861.564.098
Cộng	93.641.987.505	78.428.302.871
b) Dài hạn		
Các cá nhân ủy thác đầu tư dài hạn	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000

17. Dự phòng phải trả

Là khoản dự phòng phải trả chi phí bản quyền Oracle với trị giá ước tính 9.600.000.000 đồng và khoản chi phí nhân sự dự kiến còn phát sinh thêm tới khi kết thúc Hợp đồng 10-10/2014/HĐPM ký với Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

18. **Vốn chủ sở hữu**a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/04/2020	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	19.628.990.984	5.336.485.581	328.767.737.293
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.701.179.362	4.701.179.362
Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về Lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	(19.628.990.984)	19.628.990.984	-
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(24.743.024.399)	(24.743.024.399)
Số dư tại 31/03/2021	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	-	4.923.631.528	308.725.892.256
Số dư tại 01/04/2021	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	-	4.923.631.528	308.725.892.256
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(5.513.485.661)	(5.513.485.661)
Số dư tại 30/09/2021	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	-	(589.854.133)	303.212.406.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/04/2020 đến 30/09/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	225.590.300.000	225.590.300.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	225.590.300.000	225.590.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c) Cổ phiếu

	30/09/2021 Cổ phiếu	01/04/2021 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.559.030	22.559.030
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.939.843	1.939.843
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.939.843	1.939.843
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.619.187	20.619.187
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.619.187	20.619.187

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	30/09/2021	01/04/2021
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	7.492,41	14.211,97
- EUR	5.014,23	2.747,79
b) Nợ khó đòi đã xử lý	23.529.523.707	22.759.397.641
Phải thu Công ty Cho thuê tài chính BIDV	221.726.000	221.726.000
Phải thu ông Trần Phúc Toàn	148.500.000	148.500.000
Phải thu Văn phòng Nokia Hà Nội	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	20.991.178.683	20.991.178.683
Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội	663.440.566	-
Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ Hàng không Việt	77.333.520	-
Thanh tra TP Hồ Chí Minh	3.658.380	-
VP UBND quận Bình Thạnh	25.693.600	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.310.284.298	1.310.284.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/04/2020 đến 30/09/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	81.237.363.256	121.985.771.921
Doanh thu sửa chữa, lắp đặt, bảo hành	22.538.582.563	20.483.575.183
Doanh thu cung cấp phần mềm, chương trình	43.914.782.096	64.721.821.990
Doanh thu cho thuê văn phòng	552.220.982	922.336.445
Doanh thu dịch vụ khác	4.563.374.500	9.409.582.950
Cộng	152.806.323.397	217.523.088.489

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/04/2020 đến 30/09/2020 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	75.434.246.257	115.073.076.134
Giá vốn sửa chữa, lắp đặt, bảo hành	16.668.381.436	17.663.665.816
Giá vốn cung cấp phần mềm, chương trình	38.594.410.267	54.859.461.062
Giá vốn cho thuê văn phòng	552.220.982	259.715.222
Giá vốn khác	4.859.264.601	9.568.352.543
Cộng	136.108.523.543	197.424.270.777

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/04/2020 đến 30/09/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.294.224.040	1.964.854.982
Lãi từ bán chứng khoán	3.976.091.750	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	625.240.000	624.775.078
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	97.773.800	350.225.562
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	155.377.197	-
Cộng	7.148.706.787	2.939.855.622

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/04/2020 đến 30/09/2020 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	91.948.361	48.737.542
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	118.905.641
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	1.203.058.372	-
Chi phí tài chính khác	735.784	-
Cộng	1.295.742.517	167.643.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Thu nhập khác

	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/04/2020 đến 30/09/2020 VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	54.179.396	51.980.839.815
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	250.000.000	-
- Giá trị còn lại của TSCĐ, chi phí thanh lý TSCĐ	195.820.604	-
Lãi từ thanh lý hàng hóa	-	590.000
Lãi thanh lý CCDC	3.290.000	-
Các khoản được thưởng, được bồi thường	2.142.434.114	1.695.671.942
Các khoản khác	938.601	789.666.984
Cộng	2.200.842.111	54.466.768.741

6. Chi phí khác

	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/04/2020 đến 30/09/2020 VND
Tiền phạt vi phạm hành chính	32.746.101	3.627.361
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	2.860.000	25.714.286
Các khoản khác	14.442	69.600
Cộng	35.620.543	29.411.247

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố

	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/04/2020 đến 30/09/2020 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	18.706.689.300	18.077.511.872
Chi phí khấu hao, công cụ dụng cụ	176.670.682	9.848.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.005.355.990	2.333.049.892
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.419.068.622	2.282.583.306
Cộng	23.307.784.594	22.702.993.973
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.606.039.393	4.230.383.582
Dự phòng phải thu khó đòi	331.866.000	646.034.840
Chi phí khấu hao, công cụ dụng cụ	111.481.879	714.800.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.520.806.984	2.475.466.993
Các khoản chi phí QLDN khác	1.351.492.503	1.377.568.988
Cộng	6.921.686.759	9.444.255.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/04/2020 đến 30/09/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.513.485.661)	45.136.926.235
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.102.697.132)	9.027.385.247
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	-	-
Thuế TNDN tương ứng với các khoản chi phí không được khấu trừ thuế	187.941.378	338.198.561
Thuế TNDN tương ứng với các khoản thu nhập được miễn thuế	(125.048.000)	(125.140.349)
Thuế TNDN ứng với các khoản lỗ lũy kế được chuyển sang	-	1.665.841.353
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.906.284.811

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/04/2020 đến 30/09/2020 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.513.485.661)	34.230.641.424
a) Số điều chỉnh giảm	-	-
b) Số điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(5.513.485.661)	34.230.641.424
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.619.187	20.619.187
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(267)	1.660

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐQT ngày 12/10/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt phương án bán toàn bộ 1.939.843 cổ phiếu quỹ trên sàn giao dịch chứng khoán để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, trong kỳ, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPTSố 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021
đến ngày 30/09/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
			VND
Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội (3D-Brigade)	Công ty liên kết	Xóa nợ	663.440.566
Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ Hàng không Việt	Công ty liên kết	Xóa nợ	77.333.520
Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	35.000.000.000
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng giám đốc	Tạm ứng	30.000.000
Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Thu nhập trong năm	452.363.333
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng giám đốc	Thu nhập trong năm	312.180.000
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng giám đốc	Thu nhập trong năm	312.180.000
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Thu nhập trong năm	312.180.000
Ông Nguyễn Trần Hiền	Kế toán trưởng	Thu nhập trong năm	291.180.000
Ông Đặng Quang Duy	Thành viên hội đồng quản trị	Thù lao HĐQT	8.727.273
Ông Vladislav Savkins	Thành viên hội đồng quản trị	Thù lao HĐQT	9.909.091
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên hội đồng quản trị	Thù lao HĐQT	14.636.364
Ông Võ Văn Mai	Thành viên hội đồng quản trị	Thù lao HĐQT	14.636.364
Ông Nguyễn Duy Nguyên	Thành viên hội đồng quản trị	Thù lao HĐQT	6.727.273
Ông Đặng Hoàng Giang	Thành viên hội đồng quản trị	Thù lao HĐQT	16.000.000
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên hội đồng quản trị	Thù lao HĐQT	14.636.364
Bà Nguyễn Thị Xuân	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát	18.000.000
Bà Lương Thị Hiền	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát	6.727.273
Ông Phan Như Long	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát	19.909.091
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát	454.545
Ông Nguyễn Minh Đức	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát	2.636.364

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 30/09/2021, Nhóm Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư
			VND
Ban Giám đốc	Ban Giám đốc	Thu nhập còn phải trả	205.804.100
Hội đồng quản trị	HĐQT	Thu nhập còn phải trả	13.000.000
Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	Thu nhập còn phải trả	7.000.000

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/09/2021 là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/03/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Số liệu so sánh này đã được điều chỉnh hồi tố do phát hiện sai sót, nội dung điều chỉnh: Ghi giảm giá vốn đã trích trước, trích bổ sung chi phí và ghi nhận bổ sung chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tương ứng của Hợp đồng 28/2017/BQL-KTNN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được điều chỉnh hồi tố như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	01/04/2020	01/04/2020	Số điều chỉnh VND
		VND Sau điều chỉnh	VND Trước điều chỉnh	
Bảng Cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.009.002.973	3.201.002.973	808.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	882.524.000	4.922.524.000	(4.040.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.923.631.528	1.691.631.528	3.232.000.000
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>4.701.179.362</i>	<i>1.469.179.362</i>	<i>3.232.000.000</i>

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021 là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/09/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Sai sót liên quan đến điều chỉnh hồi tố ghi giảm giá vốn đã trích trước và ghi nhận bổ sung chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tương ứng của Hợp đồng 28/2017/BQL-KTNN phát sinh vào kỳ bán niên từ 01/10/2020 đến 31/03/2021, do đó không ảnh hưởng đến số liệu so sánh này.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

5. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Nhóm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

